

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **199/2017/DS-PT**

Ngày: 07 - 12 - 2017

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Hoàng Vũ

Các Thẩm phán : Bà Bùi Thị Nguyễn

: Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhở - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Ta - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 195/2017/TLPT-DS này 21 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thế H, sinh 1981

Địa chỉ cư trú: Số 297, tổ 11, ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế H: Ông Phạm Thái B, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: tổ 18, ấp Hòa Long 4, TT. An Ch, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh 1964 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp Trung Phú 5, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trương Văn H, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp Trung Phú 5, xã Vĩnh Ph, huyện T, tỉnh An Giang.

3.2. Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 297, tổ 11, ấp V, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thế H do ông Phạm Thái B đại diện trình bày: Ông H có cửa hàng bán vật tư nông nghiệp tại ấp Trung Phú 4, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh A. Vào năm 2012, ông H có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn H để canh tác nông nghiệp, hình thức mua bán mỗi bên có một cuốn sổ, khi giao nhận hàng thì ghi vào hai cuốn sổ, cuối vụ lúa sẽ kiểm tra lại hai sổ nếu khớp thì ông H, bà T thanh toán tiền. Quá trình mua bán vợ chồng bà T, ông H có trả và có thiếu lại. Đến ngày 02/12/2016 hai bên chốt sổ nợ, xác nhận vợ chồng Bà T, ông H còn nợ ông H số tiền 169.149.000 đồng. Đến cuối tháng 12/2016 bà T trả được 10.000.000 đồng, sau đó vào ngày 06/01/2017 vợ chồng trả tiếp 100.000.000 đồng. Như vậy bà T, ông H còn thiếu ông H số tiền 59.149.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Thế H yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn H có trách nhiệm trả số tiền 59.149.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Tôi thừa nhận có mua phân bón thuốc trừ sâu tại cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông Nguyễn Thế H thuộc ấp Trung Phú 4, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh A từ năm 2012, hình thức mua bán ông H giao hàng trước đến cuối vụ thu hoạch lúa xong sẽ trả tiền. Người trực tiếp đứng ra giao dịch mua bán với tôi là bà Nguyễn Thị Tuyết V (Tám Thôn – mẹ ông H). Theo thỏa thuận, khi nào tôi cần hàng thì báo cho bà Tám Thôn, bà Thôn giao hàng xong thì ghi vào 01 sổ của bà và 01 sổ của tôi. Cuối vụ hai bên kiểm tra lại nếu khớp thì tính tiền xong vụ đó, chuyển sang vụ khác. Trong quá trình mua bán vật tư nông nghiệp, vợ chồng tôi có trả và có thiếu lại. Đến ngày 13/4/2016, thì 02 bên chốt sổ nợ, xác nhận tôi còn thiếu tiền vật tư nông nghiệp của bà Tám Thôn số tiền là 175.799.000 đồng. Trong ngày tôi có trả cho bà Tám Thôn số tiền 18.600.000 đồng, và được bà Tám Thôn bớt lãi là 5.000.000 đồng. Như vậy, tôi còn thiếu lại bà Tám Thôn số tiền là 152.199.000 đồng. Đến tháng 10/2016 tôi có trả 10.000.000 đồng và đến cuối tháng 12/2016 tôi trả tiếp cho bà Tám Thôn được 110.000.000 đồng. Chốt lại tôi còn thiếu lại ông H số tiền lãi 32.199.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Thế H yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền 59.149.000 đồng tôi không đồng ý, tôi chỉ còn thiếu lại ông H số tiền lãi là 32.199.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không đồng ý trả cho ông H số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn H do bà Nguyễn Thị T đại diện trình bày: Ông H thống nhất với ý kiến của bị đơn, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không đồng ý trả cho ông H số tiền 32.199.000 đồng. Việc tôi mua vật tư nông nghiệp của ông H ông H có biết vì vợ chồng cùng nhau mua về canh tác đất ruộng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết V (Tám Thôn) trình bày: Tôi là mẹ ruột của Nguyễn Thế H, cửa hàng vật tư nông nghiệp – Minh Triết do H làm chủ, tôi chỉ là người đứng ra bán tiếp cho con tôi. Khoảng năm 2010, tôi bắt đầu bán phân bón, thuốc trừ sâu cho vợ chồng ông H, bà T. Ông H là người gọi điện thoại đến tôi để đặt hàng, hình thức mua bán có thiếu, có trả, hai bên thỏa thuận đến cuối vụ lúa sẽ trả tiền, nếu không trả thì tính lãi suất là 1%/tháng.

Hết vụ hè thu năm 2016, cô T không trả tiền cho H và chuyển sang mua phân bón, thuốc trừ sâu ở nơi khác nên tôi mới yêu cầu bà T viết biên nhận nợ theo mẫu có sẵn và bà T đã ký nhận.

Tôi khẳng định biên nhận nợ ngày 02/12/2016 là do bà T viết và ký tên. Nay yêu cầu bà T và ông H có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thế H số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn thiếu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn đã xử:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H (do ông Phạm Thái Bình đại diện).

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thế H số tiền 59.149.000 đồng

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn H phải chịu 2.957.450 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (01/9/2017) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với lý do theo yêu cầu khởi kiện của ông H bà hoàn toàn không đồng ý, còn số tiền 32.199.000 đồng chỉ là phần tiền lãi do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không đồng ý trả số tiền này cho ông H.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn ông Phạm Thái B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả số nợ này và chỉ còn nợ 32.199.000 đồng.

Ông Phạm Thái B thống nhất ông Nguyễn Thế H giảm cho bà Nguyễn Thị T số tiền 9.149.000 đồng, chỉ yêu cầu trả 50.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết V thống nhất ý kiến của ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Bà T có ký biên nhận nợ ngày 02/12/2016, tuy nhiên bà T lại cho rằng chỉ có nợ 32.199.000 đồng nhưng lại không có chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà T, ông H phải trả cho ông H số tiền 59.149.000 đồng là có căn cứ. Công nhận sự tự nguyện của ông B đại diện cho nguyên đơn và bà V tại phiên tòa thống nhất giảm cho bà T số tiền 9.149.000 đồng, chỉ yêu cầu bà T ông H trả 50.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định: Sửa án sơ thẩm, buộc ông H bà T trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng và điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của Bà T, thấy rằng các bên đương sự trong vụ án thừa nhận có hợp đồng mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp với nhau và bà T còn nợ lại

ông H, nhưng các bên không thống nhất được số nợ còn lại. Bà T cho rằng vợ chồng bà chỉ còn nợ lại 32.199.000đ, nhưng đây là tiền lãi từ việc bà mua hàng hóa còn nợ lại tiền và do trả lãi quá nhiều, hoàn cảnh hiện nay lại khó khăn nên không đồng ý trả số tiền này cho ông H. Ông H thì cho rằng vợ chồng bà T còn nợ lại 59.149.000đ và đây không phải là tiền lãi. Xét thấy, bà T thừa nhận đã ký giấy xác nhận ngày 02/12/2016 xác định số nợ các bên mua bán còn lại là 169.149.000 đồng, tuy nhiên bà cho rằng bà không biết nội dung là thừa nhận nợ mà chỉ do bà V bảo ký để nhận quà nên ký, lời trình bày của bà không được phía ông H, bà V thừa nhận và bà cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nên cấp sơ thẩm chấp nhận trình bày của phía ông H cho rằng từ sau khi ký xác nhận nợ ngày 02/12/2016 bà T có trả được tổng cộng số tiền 110.000.000 đồng, còn nợ lại 59.149.000 đồng và buộc bà T, ông H phải trả cho ông H 59.149.000 đồng là có căn cứ.

[2] Tuy nhiên, tại phiên tòa để tạo điều kiện cho bà T, ông H trả nợ nên phía nguyên đơn đã tự nguyện giảm một phần nợ, chỉ yêu cầu bà T, ông H trả 50.000.000 đồng là dứt nợ mua bán phân thuốc, vật tư nông nghiệp giữa các bên.

[3] Xét thấy, đây là sự tự nguyện đúng pháp luật của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, buộc ông H bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh A.

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thế H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn H phải liên đới chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003451 ngày 29/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND huyện Thoại Sơn (1)
- THA huyện Thoại Sơn (1)
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đường sự “Đề thi hành”
- Lưu: hồ sơ.

Trần Hoàng Vũ

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND huyện Thoại Sơn (1)
- THA huyện Thoại Sơn (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ

